

# NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo văn bản số 01 MT/CV-ĐN ngày 05/03/2024 của Công ty TNHH Đức Nam)

## ❖ Thông tin chung về dự án:

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Quèn Cây Chanh, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (điều chỉnh).

- Tên chủ đầu tư dự án: Công ty TNHH Đức Nam.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 5, đường Lý Thái Tổ, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện: Ông Trần Đức Hiển

- Chức vụ: Giám đốc.

## I. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

Khu mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá núi Quèn Cây Chanh, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam có diện tích 12,1ha, được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 có tọa độ theo hệ tọa độ VN.2000 kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiếu  $3^0$  như sau:

**Bảng 1.1. Tọa độ khu vực khai thác**

Điểm góc	Hệ VN 2.000 K.T.T $105^0$ , MC $3^0$	
	X(m)	Y(m)
1	2 279 747,10	585 315,22
2	2 279 758,55	585 419,55
3	2 279 473,88	585 606,40
4	2 279 498,86	585 374,46
5	2 279 326,41	585 326,94
6	2 279 320,17	585 082,92
7	2 279 409,40	585 039,43
8	2 279 529,26	585 163,13

Nguồn: Thiết kế cơ sở Dự án ĐTXDCT mỏ lộ thiên khai thác đá vôi làm VLXDĐT tại núi Quèn Cây Chanh, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

### - Khu vực mỏ có biên giới giáp ranh như sau:

+ Phía Bắc giáp mỏ của công ty Cổ phần Lĩnh Sơn.

+ Phía Đông giáp mỏ của Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Hoàng Hà;

+ Phía Tây giáp mỏ của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng nhà Hà Nội số 28 và công ty TNHH Trường Xuân HN.

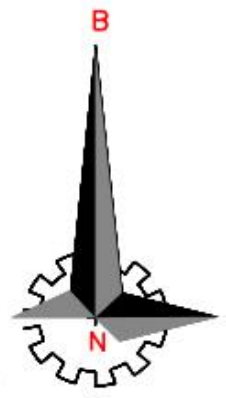
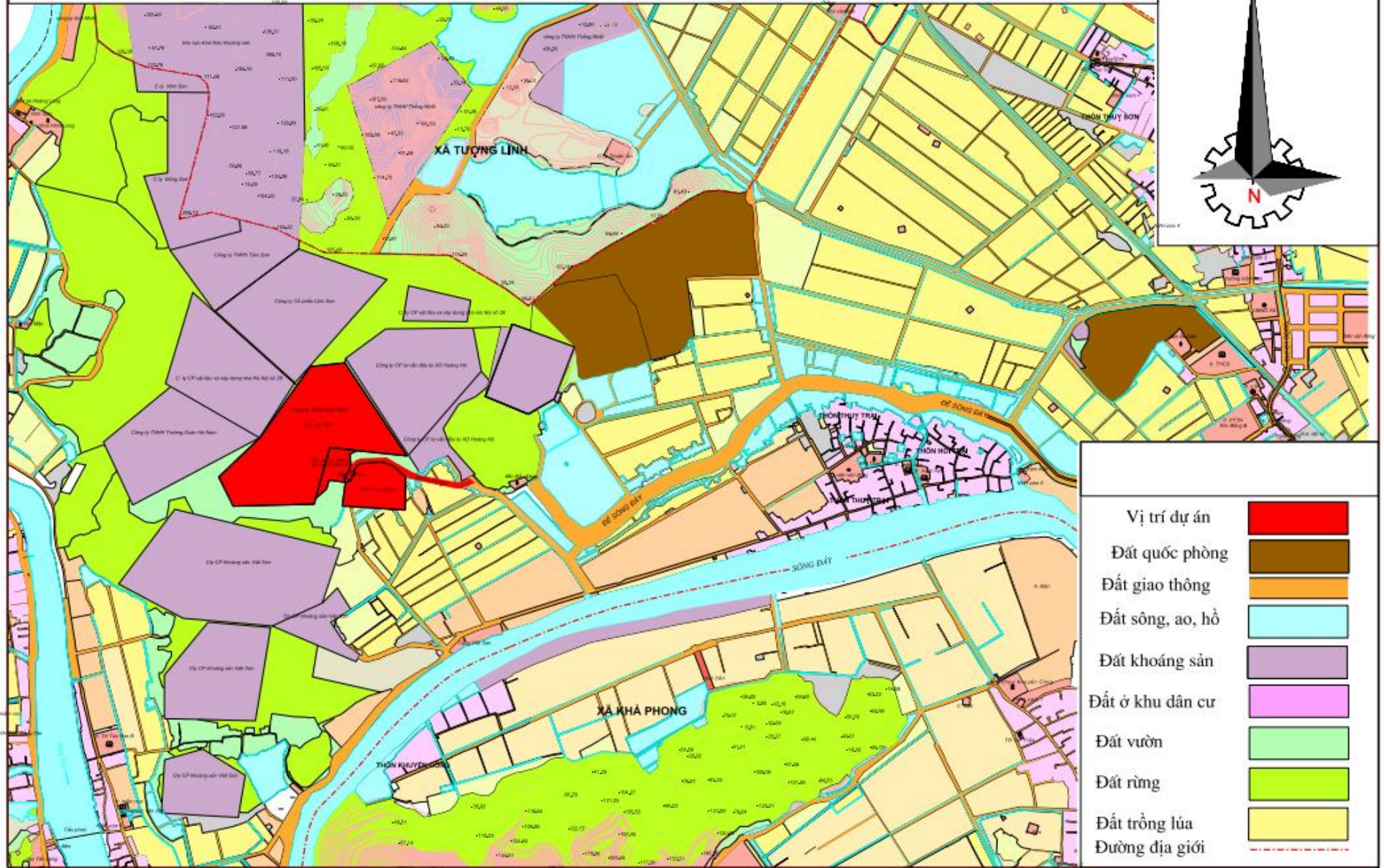
+ Phía Nam giáp núi đá và mỏ của Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu khoáng sản Việt San

***- Khu vực bãi chế biến có biên giới giáp ranh như sau:***

- + Phía Đông: giáp đất trồng lúa, trồng cây.
- + Phía Tây: giáp đất trồng cây và mỏ đá của công ty.
- + Phía Bắc: giáp đất trồng cây và mỏ đá của công ty
- + Phía Nam: giáp đất trồng lúa, ao nước.

Sơ đồ vị trí dự án như sau:

**DỰ ÁN ĐTXDCT MỎ LỘ THIÊN KHAI THÁC ĐÁ VÔI LÀM VLXD  
TẠI NÚI QUẦN CÂY CHANH, XÃ TÂN SƠN, HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**



Vị trí dự án	
Đất quốc phòng	
Đất giao thông	
Đất sông, ao, hồ	
Đất khoáng sản	
Đất ở khu dân cư	
Đất vườn	
Đất rừng	
Đất trồng lúa	
Đường địa giới	

## **II. Tác động môi trường của dự án đầu tư**

### **2.1. Các tác động môi trường chính của dự án**

#### *a. Tác động đến môi trường không khí*

Do đặc thù của dự án là khai thác và nghiền sàng đá vôi nên các tác động đến môi trường không khí trong quá trình thực hiện dự án chủ yếu là từ quá trình khoan lỗ, nổ mìn, xúc bốc, nghiền sàng và vận chuyển đá vôi.

#### *b. Tác động đến môi trường nước, đất*

Quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng cơ bản, giai đoạn hoạt động làm phát sinh một lượng không lớn nước thải sinh hoạt. Tuy nhiên, nếu lượng nước thải này không được thu gom xử lý sẽ là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường đất, không khí và nguồn nước tiếp nhận (môi trường nước dưới đất khu vực dự án).

Các loại chất thải khác từ quá trình xây dựng dự án cũng như khi dự án đi vào hoạt động như chất thải rắn, chất thải nguy hại nếu không được thu gom sẽ là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường đất, nước khu vực dự án và lân cận.

#### *c. Tác động đến môi trường sinh thái và sức khỏe người dân*

Quá trình xây dựng dự án cũng như khi dự án đi vào hoạt động sẽ phát sinh các loại chất thải như nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

Các loại chất thải này nếu không được thu gom và xử lý triệt để sẽ là nguồn gây ô nhiễm đất, nước, không khí, là nơi phát sinh các mầm bệnh, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người dân khu vực dự án và lân cận.

Khi dự án đi vào hoạt động, trong mặt bằng thực hiện dự án sẽ bố trí diện tích cây xanh phù hợp, giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường tiến hành phủ xanh khu vực khai thác, chế biến và vùng bị ảnh hưởng bởi quá trình hoạt động của dự án nên cảnh quan khu vực thực hiện dự án và lân cận sẽ được cải thiện đáng kể.

### **2.2. Quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ dự án**

#### *a. Quy mô, tính chất của nước thải và vùng có thể bị tác động do nước thải*

- Giai đoạn xây dựng cơ bản: Khối lượng phát sinh khoảng 1,5 m<sup>3</sup>/ngày.
- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Khối lượng phát sinh khoảng 2,5 m<sup>3</sup>/ngày.
- Tính chất: Là loại nước chứa đựng rất nhiều thành phần gây ô nhiễm: cặn bẩn, dầu mỡ, các chất hữu cơ khó phân huỷ sinh học, các loại vi sinh vật gây bệnh. Thành phần cần xử lý trong nước thải sinh hoạt là thành phần hữu cơ, cặn lơ lửng và vi sinh vật.
- Vùng có thể bị tác động: môi trường nước dưới đất tiếp nhận nước thải trong khu vực dự án và lân cận.

#### *b. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải và vùng có thể bị tác động do bụi, khí thải*

- Trong giai đoạn XD/CB: Bụi và khí thải phát sinh từ các hoạt động:
  - + Các hoạt động san gạt, bốc xúc và vận chuyển.

+ Hoạt động thi công xây dựng đường vận tải ô tô, thi công tuyến đường di chuyển thiết bị, xây dựng bãi xúc số 1, số 2, bạt đĩnh núi.

+ Nghiền tận thu lượng đất đá trong quá trình xây dựng cơ bản.

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình bãi chế biến.

+ Quá trình đốt cháy nhiên liệu của các động cơ

- Trong giai đoạn hoạt động khai thác: Bụi và khí thải phát sinh từ các hoạt động:

+ Khoan, nổ mìn khai thác

+ Các hoạt động bốc xúc và vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, nghiền sàng...

+ Quá trình đốt cháy nhiên liệu của các động cơ

Các loại bụi phát sinh từ hoạt động của dự án chủ yếu là bụi (nặng, trơ, khó phát tán đi xa). Bụi và khí thải do đốt cháy nhiên liệu (bụi muối, CO, NO<sub>x</sub>) là loại phát tán trong không gian và thời gian rộng, không liên tục.

Đối tượng chịu tác động chính là công nhân dự án và người dân khu vực. Ngoài ra còn có người dân và cây cối 2 bên tuyến đường vận chuyển.

*c. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường*

+ Trong quá trình xây dựng cơ bản, toàn bộ lượng đất đá phát sinh sẽ được tận thu để đưa về bãi chế biến để san lấp một phần, một phần nghiền tận thu.

+ Bao bì đựng thuốc nổ: khoảng 4.157,2 kg/năm

- Tính chất: Thành phần chính gồm đất đá, vỏ bao bì đựng thuốc nổ (phần vỏ bao không dính thuốc nổ). Lượng rác thải rắn là chất trơ, cứng khó phân hủy nên ít ảnh hưởng đến môi trường.

*d. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại*

- Khối lượng khoảng 3.100 kg/năm.

- Tính chất: Là loại chất thải chứa nhiều thành phần khó phân hủy, nguy hại cho môi trường và sức khỏe con người.

### **2.3. Các tác động môi trường khác**

- Tác động đến đời sống sinh hoạt của các hộ dân 2 bên đường vận chuyển.

- Tác động đến hệ sinh thái: thay thế hệ sinh thái núi đá vôi bằng hệ sinh thái nhân tạo do quá trình trồng cây, cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác.

- Gia tăng sức ép lên hạ tầng giao thông khu vực.

## **III. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường**

### **3.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

*a. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải*

Nước thải sinh hoạt tiếp tục được xử lý tại bể tự hoại cải tiến và bể sinh học đã xây dựng từ trước, nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 14:2008/BTNMT.

*b. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn*

❖ *Giai đoạn xây dựng cơ bản*

**\* Thu gom, tái sử dụng đất thải**

Lượng đất thải từ quá trình đào đắp, thi công mở mỏ được tận dụng triệt để cho công tác san nền bãi chế biến và phụ trợ và đưa về bãi chế biến để nghiền tận thu.

**\* Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia xây dựng dự án**

Các loại chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường được thu gom chứa vào các thùng chứa rác bằng nhựa cứng loại 150 lít đặt trên công trường, trước khi được công ty đơn vị chức năng đến thu gom và mang đi xử lý.

❖ *Giai đoạn dự án đi vào hoạt động*

**\* Đối với Chất thải rắn sinh hoạt**

Công ty trang bị các thùng rác loại 150 lít có nắp đậy tại các khu vực nhà văn phòng và nhà bán hàng để thu gom chất thải sinh hoạt phát sinh.

Công ty hợp đồng với có đầy đủ chức năng để thu gom và xử lý lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

Lượng chất thải sinh hoạt sẽ được thu gom định kỳ, không tồn lưu lâu tại khu vực. Tần suất thu gom là 2 ngày/lần.

**c. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại**

Chất thải nguy hại từ quá trình thi công xây dựng và hoạt động của mỏ bao gồm dầu mỡ thải, vỏ can, thùng dính dầu mỡ, giẻ lau dính dầu, vỏ bao bì có dính thuốc nổ... sẽ được phân loại, thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng, thể tích 120lit có nắp đậy (số lượng thùng chứa CTNH là 12thùng), sau đó chứa vào kho CTNH đã xây dựng, diện tích 17,8m<sup>2</sup>. Chất thải nguy hại này sẽ được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có tư cách pháp nhân đưa đi xử lý. Chất thải nguy hại được quản lý và xử lý theo Tại khu vực văn phòng và bãi chế biến, Công ty đã bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại. Kho có diện tích 17,8 m<sup>2</sup>, chiều dài 4,45m, rộng 4 m. Trong kho bố trí 12 thùng chứa có nắp đậy kín dung tích từ 40-150l để chứa riêng từng loại chất thải nguy hại, các thùng chứa các loại CTNH đều được dán mã và có các nhãn cảnh báo từng loại CTNH tương ứng. Ngoài cửa kho chất thải nguy hại, có biển báo khu vực lưu giữ chất thải nguy hại. Tại góc của kho có bố trí một hố thu gom lượng dầu thải (trong trường hợp dầu thải bị tràn).

**d. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác**

- Không hoạt động vào các giờ cao điểm về mật độ giao thông.
- Ô tô chuyên chở nguyên vật liệu phải có bạt che phủ, không chở quá tải, không làm rơi vãi đất đá, nguyên vật liệu để hạn chế tối đa sự phát thải bụi ra môi trường.
- Không sử dụng máy móc thiết bị quá cũ trong thi công. Các thiết bị đều lắp ống giảm thanh.

- Quy định tốc độ xe ra vào công trình, vận hành máy móc đúng thông số kỹ thuật đã quy định.

- Sử dụng các loại xe được đăng kiểm theo quy định.

❖ *Giảm thiểu nguy cơ dịch bệnh và các vấn đề xã hội*

- Thường xuyên dọn vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh khu vực.

- Tiến hành phối hợp với trung tâm y tế địa phương có biện pháp phòng chống các loại bệnh thường gặp như sốt rét, cảm sốt thông thường, tiêu chảy...

- Kết hợp với cơ quan y tế địa phương để có kế hoạch định kỳ khám sức khỏe đối với các cán bộ, công nhân trong công trường, phun các loại thuốc phòng dịch bệnh, lập tủ thuốc lưu động trên công trường.

- Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý địa phương có liên quan thực hiện công tác quản lý công nhân nhập cư lưu trú tại địa bàn để triển khai thực hiện xây dựng dự án (thực hiện khai báo tạm vắng tạm trú với địa phương theo đúng quy định của pháp luật).

### **3.2. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án**

<b>TT</b>	<b>Công trình bảo vệ môi trường</b>
1	Thùng chứa rác sinh hoạt
2	Thùng chứa rác thải nguy hại
3	Kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại
4	Bể tự hoại và bể sinh học
5	Hệ thống thoát nước mưa
6	Hệ thống cây xanh
7	Hệ thống dập bụi trạm nghiền, khu văn phòng
8	Xe tưới đường
9	Các biện pháp khác

## **IV. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

### **4.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án**

*a. Nội dung và yêu cầu chương trình giám sát môi trường*

- Giám sát chất thải: Giám sát khối lượng và chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Giám sát tác động: Giám sát chất lượng môi trường không khí khu vực thực hiện dự án và lân cận.

*b. Tần suất và thông số giám sát*

❖ *Giai đoạn xây dựng cơ bản*

- Các vấn đề cần giám sát:

+ Số lượng phát sinh (kg/tháng), chủng loại, thành phần chất thải phát sinh.

- + Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải.
- + Cách thức xử lý chất thải (thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý).
- Tần suất giám sát: Thường xuyên
- Hoạt động giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại đảm bảo theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

❖ *Giai đoạn dự án đi vào hoạt động*

Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Các vấn đề cần giám sát:
  - + Số lượng phát sinh (kg/tháng), chủng loại, thành phần chất thải phát sinh.
  - + Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải.
  - + Cách thức xử lý chất thải (thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý).
- Tần suất giám sát: Thường xuyên
- Hoạt động giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại đảm bảo theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

#### **4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

Giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống thu gom nước thải như sau:

- + Bổ sung chế phẩm vi sinh định kỳ 6 tháng/lần vào bể tự hoại.
- + Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống đảm bảo các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- + Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.
- + Thường xuyên kiểm tra hoạt động của bể lọc sinh học đảm bảo yêu cầu.

### **V. Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư**

#### **5.1. Tổng mức đầu tư dự án dự kiến**

##### **Tổng mức đầu tư**

*DVT: VND*

<b>STT</b>	<b>Khoản mục</b>	<b>Giá trị trước thuế</b>	<b>Thuế GTGT</b>	<b>Giá trị sau thuế</b>
<b>I</b>	<b>Tổng mức đầu tư</b>	<b>79.662.062.004</b>	<b>7.574.166.200</b>	<b>96.069.469.748</b>
1	Chi phí xây dựng	15.082.603.864	1.508.260.386	16.590.864.251
2	Chi phí thiết bị	59.042.500.000	5.904.250.000	64.946.750.000
2,1	<i>Đã đầu tư</i>	<i>54.642.500.000</i>	<i>5.464.250.000</i>	<i>60.106.750.000</i>
2,2	<i>Đầu tư thêm</i>	<i>4.400.000.000</i>	<i>440.000.000</i>	<i>4.840.000.000</i>
3	Chi phí quản lý dự án	391.411.559	39.141.156	430.552.714
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	1.225.146.581	122.514.658	1.347.661.239



5	Chi phí đền bù GPMB	3.920.400.000		3.920.400.000
6	Lãi vay trong giai đoạn XDCCB	679.480.119		679.480.119
7	Chi phí dự phòng	7.412.510.386	741.251.039	8.153.761.425
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn</b>			<b>96.069.469.748</b>
1	Đã đầu tư			91.229.469.748
2	Đầu tư thêm			4.840.000.000
2,1	Vốn chủ sở hữu (50%)			2.420.000.000
2,2	Vốn vay (50%)			2.420.000.000

- Nguồn vốn đầu tư:

+ Vốn tự có của công ty là 50%.

+ Vốn vay ngân hàng là 50%.

### 5.2. Tuổi thọ mỏ:

Tuổi thọ mỏ được tính theo công thức:

$$T_1 + T_2 = 1,8 \text{ năm.}$$

Trong đó:

T<sub>1</sub>: Thời gian xây dựng cơ bản (1 tháng - 0,1 năm).

T<sub>2</sub>: Thời gian mỏ khai thác ổn định theo công suất thiết kế

$$T_2 = \frac{4.225.036 - 87.789}{2.500.000} = 1,7 \text{ năm}$$

\* Trong đó:

- Trữ lượng khai thác còn lại: 4.225.036 m<sup>3</sup>.

- Khối lượng xây dựng cơ bản mỏ: 87.789 m<sup>3</sup>.

- Công suất khai thác mỏ: 2.500.000 m<sup>3</sup>/năm.

Dự án lựa chọn thời gian kết thúc khai thác trước ngày 31/12/2025 và tuân thủ giấy phép khai thác số 32/GP-UBND ngày 16/9/2020 của UBND tỉnh Hà Nam.